

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT; DỰ TOÁN CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB
DỰ ÁN: ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẢO LỘC - LIÊN KHƯƠNG ĐI QUA ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH
 (Kèm theo Báo cáo số 29 /BC-TTPTQĐ ngày 19/7/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Di Linh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH**

Biểu số 01

(Kèm theo Văn bản số : 2532 /UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Di Linh,

STT	Hạng mục	Số hộ ảnh hưởng	Số hộ có nhà (chòi, VKT khác)	Hộ nghèo, chính sách khác	Tổng diện tích đất ảnh hưởng	Trong đó:						Cây trồng	Đơn giá bồi thường	Thành tiền (dự kiến)	Ghi chú
						đất ở (m2)	Đất CLN (m2)	Đất ao, HNK (m2)	Đất lúa (m2)	Đường GT, sông suối (m2)	Đất nghĩa địa (m2)				
1	Xã Tam Bô:	41	2	2	180.000	0	147.400	12.200	4.200	16.200	0	17.835		55.434.455.380	
	Số hộ ảnh hưởng	41													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		2												
	Số hộ nghèo, chính sách khác			2											
	Đất ở nông thôn					0									
	Đất trồng cây lâu năm						147.400						300.000	44.220.000.000	
	Đất trồng cây hàng năm khác							12.200					260.000	3.172.000.000	
	Đất trồng lúa nước								4.200				260.000	1.092.000.000	
	Đường giao thông									16.200					
	Cây trồng (cây cà phê)											17.835	389.700	6.950.455.380	
2	Xã Gia Hiệp:	189	33	6	480.262	4.841	471.863	2.532	0	0	1.026	57.095		236.086.737.482	
	Số hộ ảnh hưởng	189													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		33												
	Số hộ nghèo, chính sách khác			6											
	Đất ở nông thôn					4.841							5.000.000	24.205.500.000	
	Đất trồng cây lâu năm						471.863						400.000	188.745.040.000	
	Đất trồng cây hàng năm khác							2.532					350.000	886.130.000	
	Đất trồng lúa nước								0						
	Đất nghĩa địa										1.026				
	Cây trồng (cây cà phê)											57.095	389.700	22.250.067.482	
3	Xã Đinh Lạc:	200	20	2	349.500	12.000	250.000	87.500	0	0	0	30.250		122.413.425.000	
	Số hộ ảnh hưởng	200													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		20												
	Số hộ nghèo, chính sách khác			2											
	Đất ở nông thôn					12.000							1.000.000	12.000.000.000	
	Đất trồng cây lâu năm						250.000						300.000	75.000.000.000	
	Đất trồng cây hàng năm khác							87.500					270.000	23.625.000.000	
	Đất trồng lúa nước								0					0	
	Cây trồng (cây cà phê)											30.250	389.700	11.788.425.000	
4	Xã Tân Nghĩa:	236	18	0	342.300	2.900	311.600	0	27.800	0	0	39.420		133.773.950.000	
	Số hộ ảnh hưởng	236													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		18												
	Đất ở nông thôn					2.900							1.056.000	3.062.400.000	
	Đất trồng cây lâu năm						311.600						350.000	109.060.000.000	
	Đất trồng lúa nước								27.800				200.000	5.560.000.000	
	Cây cà phê											38.950	389.000	15.151.550.000	
	Cây ăn trái các loại											470	2.000.000	940.000.000	
5	Xã Tân Châu:	250	30	1	885.400	10.400	830.000	3.000	42.000	0	0	100.430		519.637.571.000	
	Số hộ ảnh hưởng	250													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		30												

[illegible]

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT; DỰ TOÁN CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB
DỰ ÁN: ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẢO LỘC - LIÊN KHƯƠNG ĐI QUA ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH
(Kèm theo Báo cáo số 29 /BC-TTPTQĐ ngày 19/7/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Di Linh)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH

Biểu số 02

(Kèm theo Văn bản số : 2532 /UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Di Linh)

STT	Hạng mục	Số hộ ảnh hưởng	Số hộ có nhà (chòi, VKT khác)	Hộ nghèo, chính sách khác	Tổng diện tích đất ảnh hưởng	Trong đó:						Cây trồng	Đơn giá bồi thường	Thành tiền (dự kiến)	Ghi chú
						đất ở (m2)	Đất CLN (m2)	Đất ao, HNK (m2)	Đất lúa (m2)	Đường GT, sông suối (m2)	Đất nghĩa địa (m2)				
1	Xã Tam Bó:	41	2	2	180.000	0	147.400	12.200	4.200	16.200	0	17.835		6.950.455.380	
	Số hộ ảnh hưởng	41													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		2												
	Số hộ nghèo, chính sách khác			2											
	Đất ở nông thôn					0									
	Đất trồng cây lâu năm						147.400						300.000		
	Đất trồng cây hàng năm khác							12.200					260.000		
	Đất trồng lúa nước								4.200				260.000		
	Đường giao thông									16.200					
	Cây trồng (cây cà phê)											17.835	389.700	6.950.455.380	
2	Xã Gia Hiệp:	189	33	6	480.262	4.841	471.863	2.532	0	0	1.026	57.095		22.250.067.482	
	Số hộ ảnh hưởng	189													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		33												
	Số hộ nghèo, chính sách khác			6											
	Đất ở nông thôn					4.841							5.000.000		
	Đất trồng cây lâu năm						471.863						400.000		
	Đất trồng cây hàng năm khác							2.532					350.000		
	Đất trồng lúa nước								0						
	Đất nghĩa địa										1.026				
	Cây trồng (cây cà phê)											57.095	389.700	22.250.067.482	
3	Xã Đinh Lạc:	200	20	2	349.500	12.000	250.000	87.500	0	0	0	30.250		11.788.425.000	
	Số hộ ảnh hưởng	200													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		20												
	Số hộ nghèo, chính sách khác			2											
	Đất ở nông thôn					12.000							1.000.000		
	Đất trồng cây lâu năm						250.000						300.000		
	Đất trồng cây hàng năm khác							87.500					270.000		
	Đất trồng lúa nước								0						
	Cây trồng (cây cà phê)											30.250	389.700	11.788.425.000	
4	Xã Tân Nghĩa:	236	18	0	342.300	2.900	311.600	0	27.800	0	0	39.420		16.091.550.000	
	Số hộ ảnh hưởng	236													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		18												
	Đất ở nông thôn					2.900							1.056.000		
	Đất trồng cây lâu năm						311.600						350.000		
	Đất trồng lúa nước								27.800				200.000		
	Cây cà phê											38.950	389.000	15.151.550.000	
	Cây ăn trái các loại											470	2.000.000	940.000.000	
5	Xã Tân Châu:	250	30	1	885.400	10.400	830.000	3.000	42.000	0	0	100.430		39.137.571.000	

STT	Hạng mục	Số hộ ảnh hưởng	Số hộ có nhà (chòi, VKT khác)	Hộ nghèo, chính sách khác	Tổng diện tích đất ảnh hưởng	Trong đó:						Cây trồng	Đơn giá bồi thường	Thành tiền (dự kiến)	Ghi chú
						đất ở (m2)	Đất CLN (m2)	Đất ao, HNK (m2)	Đất lúa (m2)	Đường GT, sông suối (m2)	Đất nghĩa địa (m2)				
	Số hộ ảnh hưởng	250													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		30												
	Số hộ nghèo, chính sách khác			1											
	Đất ở nông thôn					10.400							5.000.000		từ 2,5 đến 10tr/m2
	Đất trồng cây lâu năm						830.000						500.000		từ 0,3 đến 1tr/m2
	Đất trồng cây hàng năm khác							3.000					300.000		
	Đất trồng lúa nước								42.000				300.000		
	Cây trồng (cây cà phê)											100.430	389.700	39.137.571.000	
6	Xã Liên Dầm:	106	0	0	322.740	0	312.669	1.828	0	8.122	121	37.833		14.743.500.225	
	Số hộ ảnh hưởng	106													
	Đất ở nông thôn					0								0	
	Đất trồng cây lâu năm						312.669						400.000		từ 0,3tr - 0,5tr/m2
	Đất trồng cây hàng năm khác							1.828					300.000		
	Đường giao thông									8.122	121				
	Cây trồng (cây cà phê)											37.833	389.700	14.743.500.225	
7	Xã Đình Trang Hòa:	148	16	0	343.500	3.500	340.000	0	0	0	0	24.900		9.786.255.000	
	Số hộ ảnh hưởng	148													
	Số hộ có nhà ở ảnh hưởng		16												
	Đất ở nông thôn					3.500							2.500.000		
	Đất trồng cây lâu năm						340.000						600.000		
	Cây trồng (cây cà phê)											24.150	389.700	9.411.255.000	
	Cây ăn trái các loại											750	500.000	375.000.000	
8	Nhà cửa, vật kiến trúc ảnh hưởng	1.170	119		11.900								5.172.008	61.546.895.200	
I	TỔNG CỘNG 07 XÃ	1.170	119	11	2.903.702	33.641	2.663.532	107.060	74.000	24.322	1.147	307.764		182.294.719.287	
II	CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG:													3.645.894.386	
III	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (TẠM TÍNH 5%)													9.297.030.684	
IV	TỔNG DỰ TOÁN													195.237.644.356	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH**

Biểu số 03

(Kèm theo Văn bản số : 2532 /UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Di Linh)

STT	Hạng mục	Tổng diện tích đất ảnh hưởng (ha/m2)	Cây trồng	Đơn giá bồi thường	Thành tiền (dự kiến)	Ghi chú
1	Quỹ đất tái định canh từ các đơn vị chủ rừng được UBND tỉnh giao quản lý, trồng thông (Không bồi thường về đất, chỉ bồi thường về cây trồng - đất trồng thông) .	396				đơn vị ha
	Thông trên 4 năm. Mật độ 2220 cây/ha		215.340	703.800	151.556.292.000	
2	Quỹ đất tái định canh từ đất Công ty cổ phần Chè-cà phê Di Linh và Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng đang thuê đất nông nghiệp trên địa bàn (Không bồi thường về đất, chỉ bồi thường về cây trồng).	97				đơn vị ha
	Hỗ trợ đất cho hộ nhận khoán - Một lần tiền đất để hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, một lần tiền đất để hỗ trợ ổn định đời sống. Tạm tính đơn giá 30.000	970.000		60.000	58.200.000.000	đơn vị m2
	Cà phê trên 4 năm. Mật độ 1100 cây/ha		106.700	389.700	41.580.990.000	
3	Quỹ đất tái định cư từ đất Công ty cổ phần Chè-cà phê Di Linh và Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng đang thuê đất nông nghiệp trên địa bàn (Không bồi thường về đất, chỉ bồi thường về cây trồng).	10,7				đơn vị ha
	Hỗ trợ đất cho hộ nhận khoán - Một lần tiền đất để hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, một lần tiền đất để hỗ trợ ổn định đời sống. Tạm tính đơn giá 30.000	107.000		60.000	6.420.000.000	đơn vị m2
	Cà phê trên 4 năm. Mật độ 1100 cây/ha		11.770	389.700	4.586.769.000	
I	TỔNG CỘNG	504			262.344.051.000	đơn vị ha
II	CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC BÔI THƯỜNG:				5.246.881.020	
III	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (TẠM TÍNH 5%)				13.379.546.601	
IV	TỔNG DỰ TOÁN				280.970.478.621	